

Số: 53/2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với  
nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 34/TTr-STC ngày 18 tháng 8 năm 2017 về việc ban hành quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 271/BC-STP ngày 17 tháng 8 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Đối tượng áp dụng**

- a) Đơn vị cung cấp nước sạch.
- b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc thu, nộp và quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

3. Tỷ lệ để lại và bố trí sử dụng nguồn phí thu được còn lại

a) Tỷ lệ để lại:

- Đối với đơn vị cung cấp nước sạch để lại 9% (chín phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được.

- Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để lại 24% (hai mươi bốn phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được.

b) Bố trí sử dụng nguồn phí thu được còn lại:

Phần còn lại, sau khi trừ số tiền phí được trích để lại theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp vào ngân sách nhà nước và được phân chia, như sau:

- 50% cho ngân sách huyện, thành phố để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường.

- 50% cho ngân sách tỉnh để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi phục vụ cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải.

4. Kê khai, thẩm định tờ khai, nộp, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán phí thực hiện theo quy định tại Quyết định này, Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ và quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán số tiền thu phí bảo vệ môi trường do đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nộp vào chương, loại, khoản tương ứng theo quy định hiện hành của Mục lục ngân sách nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố

a) Tổng hợp số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tại địa phương để báo cáo các cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

b) Quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của đơn vị cung cấp

nước sạch và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện Quyết định này.

5. Đơn vị cung cấp nước sạch và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thu phí.

b) Tổng hợp số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tại địa phương và thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Thực hiện việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí theo đúng quy định tại Quyết định này, Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ và quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2017 và thay thế Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành mức thu và quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;  
Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các Phòng nghiên cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tmh548).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng